

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HS-PT
Ngày 26 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Trà
Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 215/2022/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Quốc S, sinh ngày 04/10/1989 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Số 164 đường H, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Sĩ N, sinh ngày 31/01/1986 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 72, khu phố 9, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Trần Thị N, sinh năm 1969; vợ: Mai Thị Kim T, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016 và nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/7/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 29/7/2013 và đã được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Chị Nguyễn Trịnh Hạ Thủy T; cư trú tại: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt)

Ngoài ra, còn có các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Võ Công Đ không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2020, Phạm Văn T2 gặp và quen biết với Nguyễn Văn T1. Trong nhiều lần ăn nhậu cùng nhau, T2 giới thiệu với T1 mình là cán bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, có thể làm giúp giấy tờ về nhà đất và có nhiều mối quan hệ xã hội khác. Do tin tưởng T2 nên từ tháng 02/2021 đến tháng 7/2021, T1 cùng một số người quen khác đã đưa tiền cho T2 tổng cộng 194.000.000 đồng để nhờ làm giấy tờ nhà đất, xin việc làm và giấy phép lái xe. Sau một thời gian dài mà T2 vẫn chưa làm xong việc như đã hứa, T1 nghi ngờ nên chủ động dò hỏi thông tin thì biết được T2 không phải là cán bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định và T1 đã nghĩ rằng mọi người đã bị T2 lừa đảo để chiếm đoạt tiền.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/7/2021, Nguyễn Văn T1, Võ Công Đ, Lê Quốc S, Hồ Sĩ N bàn bạc thống nhất với nhau gọi Phạm Văn T2 đến nhà của T1 ở tổ 3, khu phố 1, phường N, thành phố Q để hỏi rõ sự việc và yêu cầu T2 trả lại tiền. Khoảng 30 phút sau, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77L2-190.XX đến điểm hẹn. Tại đây, khi bị chất vấn, T2 đã thừa nhận mình nói dối để lừa đảo chiếm đoạt tiền của mọi người. T2 kiểm tra tiền trong ví rồi lấy 3.000.000 đồng trả trước cho T1, lấy 5.000.000 đồng trả cho S và 1.000.000 đồng trả cho Đ. Do còn tiền trong tài khoản ngân hàng nên T2 chuyển tiếp số tiền 13.000.000 đồng vào tài khoản số 040071033XXX của Nguyễn Văn T1 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Sau đó, T2 và T1 cùng thống kê lại số tiền T2 còn nợ lại là 185.000.000 đồng. T2 cam kết sẽ trả đủ và đồng ý để lại xe mô tô biển kiểm soát 77L2-190.XX của mình lại để làm tin.

Lúc này, S nói “Đụ mẹ, tiền nó đưa cho con dĩ chó kia sắm vàng, sắm xe hết rồi, gọi nó lên”. Do số tiền nợ quá lớn và sợ T2 bỏ trốn nên cả bốn người thống nhất gọi người yêu của T2 là chị Nguyễn Trịnh Hạ Thủy T đến để cùng cam kết trả lại tiền. Sau đó, T1 gọi điện thoại nói chị T đến nhà T1 chơi vì có T2 ở đây. Khi chị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78K1-247.XX đến, T1, S, Đ và N nói cho chị T biết sự việc T2 lừa mọi người lấy tiền và yêu cầu chị T để lại xe mô tô, trang sức của mình để T2 đảm bảo trả tiền. Chị T không đồng ý và nói rằng xe đứng tên mình mua trả góp, còn trang sức thuộc sở hữu riêng, không liên quan gì đến việc T2 lấy tiền của mọi người. N nói “Xe của ai thì cũng phải để lại hết!”. S bảo chị T tháo trang sức đang đeo trên người ra đưa, chị T không chịu nên bị S đe dọa “Đụ mẹ, con dĩ chó kia, mày không tháo đủ coi chừng

tao đánh vô mặt bây giờ!”. Do bị S dọa đánh và chịu áp lực của T1, Đ, N nên chị T sợ phải tháo nhẫn, lắc tay, bông tai và dây chuyền đưa cho T1 bỏ vào túi ni lông cất giữ. Đ đến tháo dây chuyền của T rồi cùng N hướng dẫn nội dung cho T2 viết giấy tự nguyện để tài sản lại làm tin và lẫn tay điểm chỉ.

Tại Kết luận giám định số 1161/C09C-Đ2 ngày 30/9/2021, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã kết luận:

- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng (phía trên có đính 01 đá lớn, xung quanh có đính nhiều hạt đá tám nhỏ, tổng khối lượng là 2,82 gam) gửi giám định có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng là 61%;

- 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng (dạng lắc bi, có 01 cầu lớn ở giữa đính đá tám nhỏ, hai bên có 02 vòng xoắn đối xứng đính đá tám nhỏ, tổng khối lượng là 8,91 gam) gửi giám định có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng trung bình là 61%;

- 01 dây chuyền liên mặt bằng kim loại màu vàng (ở giữa là mặt hình bông hoa đính đá tám nhỏ, hai bên là 02 vòng xoắn đối xứng có đính đá tám nhỏ tổng khối lượng là 8,46 gam) gửi giám định có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng trung bình là 61%;

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (có đính đá tám nhỏ, tổng khối lượng là 3,09 gam) gửi giám định có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng trung bình là 61%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 216/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2021 và Kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q đã kết luận:

- Xe mô tô biển kiểm soát 78K1-247.83 có trị giá 34.000.000 đồng.

- 01 nhẫn, 01 lắc tay, 01 dây chuyền và 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng trị giá 20.650.000 đồng.

Chị T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt. Trước khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã bồi thường tổn thất tinh thần cho chị T số tiền như sau: T1: 5.000.000 đồng, Đ: 5.000.000 đồng, N: 10.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, S tiếp tục bồi thường cho chị T 30.000.000 đồng. Chị T đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2022/HS-ST ngày 23/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Q đã căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quốc S 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Sĩ N 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Võ Công Đ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2022, các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên và bị cáo Hồ Sĩ N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 17/3/2023, chị Nguyễn Trịnh Hạ Thủy T có đơn đề nghị xem xét cho các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Quốc S, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo S, giảm cho bị cáo S 06 tháng tù và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Sĩ N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Do Phạm Văn T2 nợ tiền nên vào chiều ngày 19/7/2021, tại nhà của Nguyễn Văn T1 ở tổ 3, khu phố 1, phường N, thành phố Q, các bị cáo T1, Võ Công Đ, Lê Quốc S, Hồ Sĩ N đã có hành vi yêu cầu chị Nguyễn Trịnh Hạ Thủy T (người yêu của T2) đưa tài sản của mình để làm tin đảm bảo việc T2 trả nợ. Khi chị T không đồng ý, S đe dọa sẽ đánh chị T làm chị T sợ nên đã giao tài sản cho các bị cáo giữ, gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 78K1-247.XX, 01 nhẫn, 01 lắc tay, 01 dây chuyền và 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 216/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2021 và Kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q đã kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, các tài sản có tổng trị giá là 54.650.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2022/HS-ST ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xét xử các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” với T1 tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Trong vụ án này, bị cáo S người khởi xướng gọi chị T đến để buộc chị T cùng trả nợ với T2 và bị cáo cũng đã dùng lời nói đe dọa để chiếm đoạt tài sản của chị T nên vai trò của bị cáo S là cao nhất và hình phạt của bị cáo phải cao hơn so với các bị cáo khác; bị cáo N phạm tội với vai trò là giúp sức.

Các bị cáo không có T1 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại; bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và có đơn bãi nại, tại cấp phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được hưởng án treo; bị cáo S phạm tội do bức xúc vì bị anh T2 lừa đảo chiếm đoạt tài sản và mong muốn lấy lại số tiền bị chiếm đoạt, cha bị cáo S đã từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và hiện đang lĩnh tiền trợ giúp xã hội hàng tháng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo N mặc dù đã từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng đã chấp hành xong hình phạt và được xoá án tích, bị cáo là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, bị cáo không hưởng lợi gì, ông nội cùng với cha mẹ bị cáo cùng tham gia cách mạng, được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo N có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và hiện nay đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2016) do vợ chồng bị cáo đã ly hôn.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo S 03 năm tù là có phần nghiêm khắc và việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương, chưa đảm bảo tính răn đe và ngăn ngừa tội phạm. Căn cứ Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án N dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo N đủ điều kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo N hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quốc S và chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Hồ Sĩ N, chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định về việc đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo Lê Quốc S, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N.

[3] Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Võ Công Đ, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quốc S;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Sĩ N;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Quốc S và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Sĩ N, sửa bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Lê Quốc S 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Xử phạt bị cáo Hồ Sĩ N 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 26/4/2023).

Giao bị cáo Hồ Sĩ N cho Ủy ban N dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Quốc S và Hồ Sĩ N không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Võ Công Đ, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an TP.Q;
- Cơ quan THAHS Công an TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải